TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2025/DS-ST
Ngày: 17-4-2025
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phan Thị Cẩm Hồng
2. Ông Trịnh Xuân Tùng

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 588/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm: 1982. Địa chỉ: 2 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm: 1979, ông Trần Trung L1, sinh năm: 1979. Địa chỉ: 2 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

(Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông L1, bà Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 10/11/2022 tôi có cho bà Trần Thị Đ và ông Trần Trung L1 vay số tiền là 185.000.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu đồng) để về lo cho con đi học và nuôi tôm nhằm phát triển kinh tế gia đình chung, thời hạn vay 01 tháng trả và lãi suất do hai bên tự thoả thuận. Bà Đ có ký tên xác nhận vào biên nhận. Đến ngày hẹn bà Đ không có trả tiền đúng như các bên thoả thuận, mặc dù tôi đã nhiều lần đến nhà yêu cầu gia đình bà Đ trả nợ nhưng vẫn không trả nên đã ảnh hưởng đến quyền lợi của tôi.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Đ và ông Trần Trung L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho tôi số tiền nợ gốc 185.000.000 (Một trăm tám mươi lăm triệu) đồng. Tôi yêu cầu tính lãi từ ngày 10/11/2022 đến ngày 30/11/2024 là: 24 tháng 20 ngày x 185.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 37.875.600 đồng.

Tổng cộng tôi yêu cầu bà Đ, ông L1 trả 185.000.000 đồng + 37.875.600 đồng = 222.875.600 (Hai trăm hai mươi hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm) đồng.

Theo bản khai, biên bản hòa giải bị đơn Trần Thị Đ, Trần Trung L1 trình bày: Bà Trần Thị Đ chỉ có chơi hụi với bà L, hiện tại bà Đ chỉ còn thiếu bà L 60.000.000 đồng. Chúng tôi không có vay tiền của bà L nên không thừa nhận chữ viết, chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 10/11/2022 âm lịch do bà L giao nộp là chữ viết chữ ký của vợ chồng tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

1.2 Bị đơn có nơi cư trú tại xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú thụ lý đúng thẩm quyền.

1.3 Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng bị đơn Trần Thị Đ, Trần Trung L1 vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Do đó, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1 Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Đ và ông Trần Trung L1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 222.875.600 (Hai trăm hai mươi hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm) đồng, bao gồm tiền gốc là 185.000.000 đồng và tiền lãi tính từ từ ngày 10/11/2022 đến ngày 30/11/2024 là: 24 tháng 20 ngày x 185.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 37.875.600 đồng. Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản chính giấy mượn ghi ngày 10/11/2022 AL.

2.2 Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bà Đ không thừa nhận có vay tiền của bà L và cho rằng giấy mượn tiền ghi ngày 10/11/2022 AL chữ ký, chữ viết người mượn tiền không phải là của vợ chồng bà và yêu cầu trưng cầu giám định. Tòa án đã

ra Thông báo về việc nộp tạm ứng chi phí tố tụng cho yêu cầu nêu trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Thông báo. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn theo quy định mà ông L1, bà Đ không nộp tạm ứng chi phí tố tụng nêu trên xem như từ bỏ yêu cầu của mình. Ngoài ra, ông bà cũng không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh bà Đ chỉ chơi hụi với bà L và hiện chỉ còn thiếu 60.000.000 đồng. Do đó, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có cơ sở buộc bà Trần Thị Đ và ông Trần Trung L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị L số tiền gốc là 185.000.000 đồng là phù hợp.

2.3 Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Bà L yêu cầu tính lãi của số tiền gốc từ ngày 10/11/2022 AL đến ngày 30/11/2024 với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Do giấy mượn tiền các bên không ghi mức lãi suất thỏa thuận của số tiền vay, số tiền trả trong thời gian 01 tháng đến ngày 10/12/2022 AL. Đến hạn trả tiền nhưng bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả của bị đơn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất là 0,83%/tháng là không vượt quá mức lãi suất quy định. Theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định "Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ". Do đó, số tiền lãi được xác định như sau:

Từ ngày 10/12/2022 AL (tức ngày 01/01/2023 dương lịch) đến ngày 30/11/2024:

Số tiền 185.000.000 đồng x 0,83% x 21 tháng 29 ngày = 33.730.000 đồng.

Từ những phân tích trên, cần buộc bà Trần Thị Đ và ông Trần Trung L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị L tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/11/2024 là: 218.730.000 đồng là phù hợp.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.
- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L đối với bà Trần Thị Đ và ông Trần Trung L1.

1.1 Buộc bà Trần Thị Đ và ông Trần Trung L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị L số tiền gốc và lãi từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/11/2024 là 218.730.000 (Hai trăm mười tám triệu bảy trăm ba mươi nghìn) đồng.

Kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

1.2 Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị L đối với bà Trần Thị Đ và ông Trần Trung L1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 4.145.600 (Bốn triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm) đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 10.936.500 (Mười triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm) đồng, bà Trần Thị Đ và ông Trần Trung L1 có nghĩa vụ liên đới nộp. Bà Lê Thị L có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền đã tạm ứng theo biên lai số 0006076 ngày 09/12/2024. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà Lê Thị L số tiền 5.272.000 (Năm triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn) đồng theo biên lai nêu trên.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạnh Phú.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- CCTHADS huyện Thạnh Phú.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí